

# MS. CHI ENGLISH

Name: \_\_\_\_\_

Date: .../.../2022

Class: L3

Tel: 038 255 2594

## GLOBAL STAGE 3

### UNIT 5: MAKE SOME NOISE – GRAMMAR 1

#### A. GRAMMAR

**Future plans: “going to” - statement** (Câu trúc Going to – dạng câu kẽ)

##### 1. Cách dùng

- Dùng để mô tả ý định, kế hoạch trong tương lai.
- Dùng để dự báo về tương lai gần dựa trên những dấu hiệu, bằng chứng ở hiện tại.

##### 2. Câu trúc

(+)	S + am/is/are + going to + Vinf.
(-)	S + am/is/are + not + going to + Vinf.

**VD:** - I am going to swim at the beach this summer.

(Tôi định đi bơi ở bãi biển vào mùa hè này.)

- He is not going to travel around the world by plane.

(Cậu ấy không định đi vòng quanh thế giới bằng máy bay.)

#### Ghi chú:

1. S= Subject (Chủ ngữ); Vinf (Động từ nguyên mẫu)
2. I + am; He/She/It/Chủ ngữ số ít + is; You/We/They/Chủ ngữ số nhiều + are

#### B. HOMEWORK

**I. Fill in the blanks using “going to”. (Điền vào chỗ trống với câu trúc “going to”)**

0. I am going to eat a banana. (eat)

1. He \_\_\_\_\_ a car. (not / buy)

2. Cows \_\_\_\_\_ the green grass. (eat)

3. They \_\_\_\_\_ out for a walk. (go)

4. It \_\_\_\_\_. (rain)

5. You \_\_\_\_\_ a horse. (not / ride)

**II. Choose the correct answer with “going to”. (Chọn đáp án đúng với câu trúc “going to”)**

0. We (helps / **are going to help** / am going to help) you.

1. I (am going wear / will wears / am going to wear) blue shoes tonight.

2. She (is buy / is going to buy / is going buy) a lot of things for the party.

3. They (are not going to walk / are not going to walks / is not going to walk) to the bus station.

4. I (am going to have / am going to having / am going have) a good time tonight.

5. My sister (are not going to stay / am not going to stay / is not going to stay) at home tonight.

**III. Find, circle and correct the mistake in each sentence. (Tìm lỗi sai, khoanh tròn nó và viết lại từ đúng)**

0. My brother is going tidy his room tomorrow.

A **B** C → going to

1. It is very cloudy. It is go to rain.

A B C → \_\_\_\_\_

2. Ms. Jenny is going for visit the zoo.

A B C → \_\_\_\_\_

3. Mark and Linda is going to buy some rice, coffee and beef.

A B C → \_\_\_\_\_

4. I am going to not play soccer this afternoon.

A B C → \_\_\_\_\_

5. My father is not go to do the housework this weekend.

A B C → \_\_\_\_\_

**IV. Re-write these sentences in negative form of “going to”. (Viết lại các câu sau theo  
thể phủ định của cấu trúc “going to”)**

0. She is going to see a doctor.

→ ***She is not going to see a doctor.***

1. They are going to buy a house.

→ \_\_\_\_\_.

2. I am going to read books.

→ \_\_\_\_\_.

3. Linda is going to sing a song.

→ \_\_\_\_\_.

4. Jack and Bill are going to go to the beach.

→ \_\_\_\_\_.

5. Tom is going to take a photo.

→ \_\_\_\_\_.

**V. Write full sentences using “going to”. (Viết câu hoàn chỉnh sử dụng cấu trúc “going to”)**

0. He / a car. / buy / going / is / to

→ ***He is going to buy a car.***

1. paint / are / to / the house. / going / They

\_\_\_\_\_.

2. to / sleep. / not / We / going / are

\_\_\_\_\_.

3. play / going to / Jessica and Laura / the piano. / are

\_\_\_\_\_.

4. She / have / to / not / a bath. / going / is

\_\_\_\_\_.

## Part 2

– 6 questions –

Movers 2 – Test 1 – Part 2

Read the text and choose the best answer.



### Example

**Jim:** Hi, Vicky! Is that your new comic?

**Vicky:**

- A It's OK.
- B Yes, it is.
- C It is mine.

### Questions

1 **Jim:** What are you reading about?

**Vicky:**

- A I'm good at drawing.
- B What's the matter?
- C An old pirate ship.

2 Jim: Which is the best part of your comic?

Vicky:

- A This page. Look!
- B Come on! Here.
- C Let's go! Quick!

3 Jim: Which day do you get your comic?

Vicky:

- A In the afternoon.
- B Every Wednesday.
- C Not this week.

4 Jim: Does your dad buy your comic for you?

Vicky:

- A Yes. So do I, Jim.
- B They're my mother's.
- C I ask my uncle to get it.

5 Jim: I really like comics.

Vicky:

- A Well, you can read this, too.
- B Because I'm on this page.
- C I'm sorry. I don't know.

6 Jim: Can you give me your comic now?

Vicky:

- A Me too! Goodbye!
- B All right! Here you are.
- C No thank you, Jim!

Con làm bài nghe theo link sau (từ 0p45 đến 5p25): <https://www.youtube.com/watch?v=2X7SUiey770>

## Part 1

– 5 questions –

Movers 2 – Test 2 – Part 1

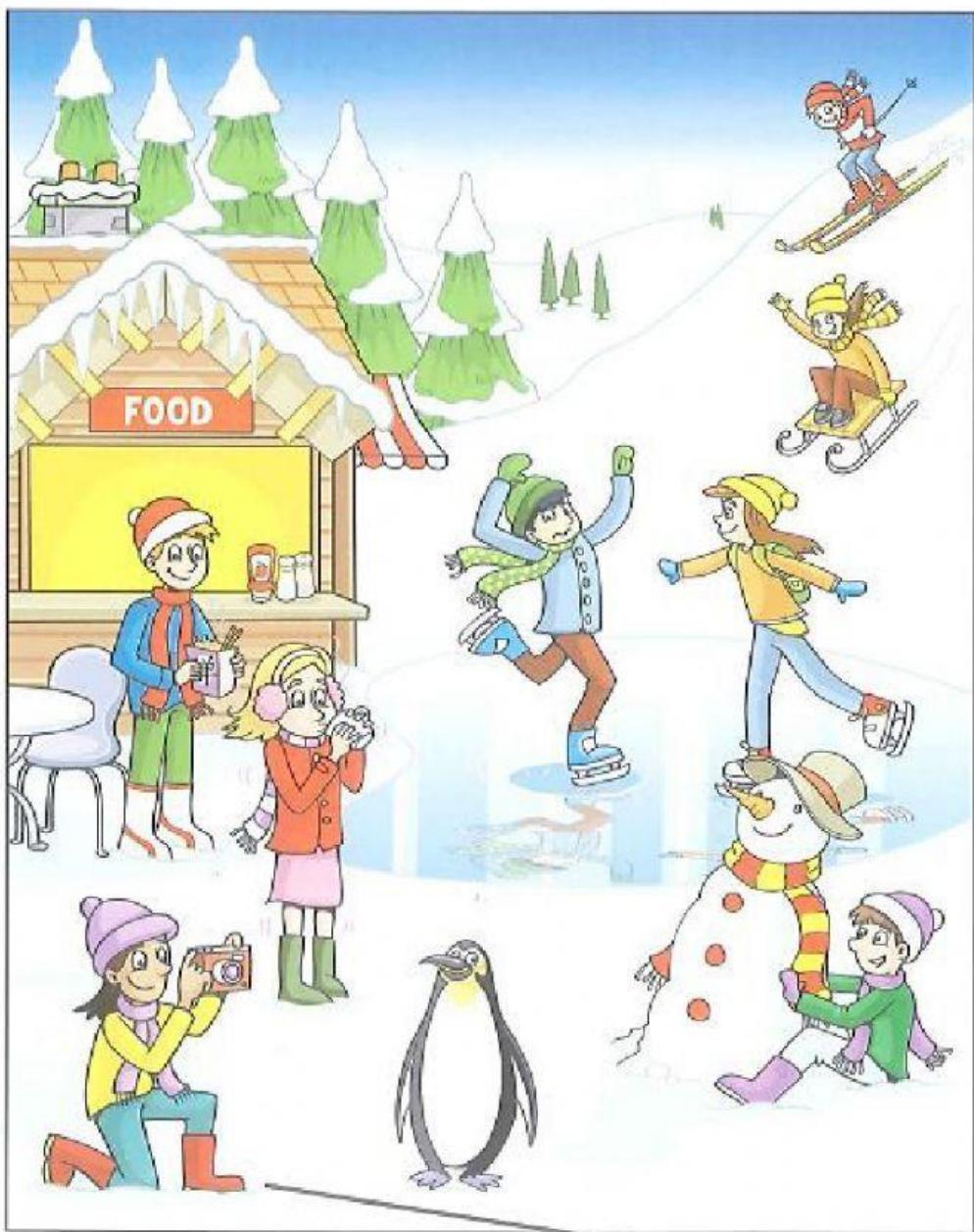
Listen and draw lines. There is one example.

Zoe

Paul

Clare

Jim



Charlie

Daisy

Julia